

THIÊN HƯỚNG CỦA SỰ VẬT..

❖ Đặng Phùng Quân

THE PROPENSITY OF THINGS: TOWARD A HISTORY OF EFFICACY IN CHINA, Francois Jullien (Zone Books, New York, 1995). Nguyên tác tiếng Pháp: *La propension des choses: Pour une histoire de l'efficacite en Chine* (Editions du Seuil, 1992), Janet Lloyd chuyển ngữ sang tiếng Anh.

Francois Jullien là một trong số ít những đọc giả trẻ phương Tây (không kể những học giả Tây phương gốc Trung Hoa) nghiên cứu tư tưởng Đông phương một cách nghiêm túc như Heiner Roetz, Wolfgang Bauer, A. Graham, P. Ivanhoe... Tác phẩm nêu trên được dịch sang Anh ngữ năm 1995 của F. Jullien có thể coi như công trình tiếp nối cuốn *Procès ou création* (nxb Seuil, 1989). Sự khác biệt giữa hai công trình là tác phẩm thứ nhất chuyên khảo về một tác giả Vương Phu Chi (Wang Fuzhi) ở thế kỷ 17, còn tác phẩm sau đặt trọng tâm vào chữ *Thế* (shi) (Jullien phiên âm những tên riêng và từ Hán theo hệ thống pinyin), khai phá những nét cơ bản của cả một nền văn hóa. Tuy nhiên sự liên tục giữa hai cuốn sách là tư tưởng của Vương Phu Chi vẫn là căn bản dẫn đạo những chiều hướng nghiên cứu của F. Jullien.

Trong 11 chương sách chia làm ba phần, F. Jullien tìm hiểu tầm quan trọng của chữ *Thế* một từ ngữ được coi như công cụ, mặc dầu nó không liên hệ với một khái niệm toàn diện, xác định nào trong khuôn khổ sẵn có cũng như chức năng tiền lập, như những khái niệm về Đạo, về Lý... thường thấy trong những đề tài về tư tưởng Trung Hoa. Tầm quan trọng của chữ *Thế* được phân tích từ lĩnh vực chiến tranh đến chính trị (phần 1), từ mỹ học trong nghệ thuật viết chữ và hội họa sang đến lý luận văn học (phần 2), từ suy tưởng về lịch sử đến triết lý (phần 3). Trong sự đối lập giữa hai hình thái văn hóa Đông và Tây qua khái niệm Hữu và Vô mang dấu ấn tư

tưởng Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo, phải chăng có một hình thái thứ ba qua khái niệm *Thế* của tư tưởng Trung Hoa chưa chịu ảnh hưởng Phật Giáo (như chính Jullien xác định, xem trg. 228,235,249) làm nền tảng của thực tại, khi Jullien đi tìm hiểu quan niệm kỳ thành (*efficacite*) trong khai phá thiên hướng (*propension*) bắt nguồn từ hình thể đặc thù của thực tại đến hiệu quả có khả năng tối hảo?

Ở chương thứ nhất của cuốn sách, Jullien bắt đầu từ nguồn gốc của *Thế* sinh ra trong tiềm năng của chiến lược quân sự. Nguyên tắc chiến lược cơ sở của Trung Hoa có thể đọc trong *Tôn Tử* và *Tôn Bàng* binh pháp khai triển khái niệm *Thế*. Toàn bộ nghệ thuật chiến lược dựa vào tiềm năng của *Thế* (kỳ xảo tại thủ thế). *Thế* là nhân tố quyết định trong chính trị, tư tưởng này có thể thấy trong sách *Hoài Nam Tử*, qua *Thương Ương*, *Quản Tử*, *Hàn Phi Tử* bởi sách lược hay chính trị cũng dựa vào vấn đề cơ bản là nguồn gốc kỳ thành nào cho ta điều hành thế giới như ý ta muốn. Vị thế của chủ quyền như thế công cụ của chủ nghĩa cực quyền, tính tự động của cơ chế quyền lực đã phân biệt những lý thuyết gia của chủ nghĩa chuyên chế (Pháp gia) với những Nho gia luân lý, cơ chế này loại trừ cá tính hóa quyền lực, như lý luận của Bentham (thế kỷ 18) và Michel Foucault phân tích.

Trong phần hai, Jullien khởi từ nhận xét về hoạt động nghệ thuật xem như một quá trình của hiện thực hóa tạo ra cái thể đặc thù của tính năng động ở trong thực tại, khi dẫn *Khang Hữu Vi* (cuối thế kỷ 19) quan niệm thuật viết chữ của cổ nhân là nghiên cứu dựa trên tầm quan trọng của thế, cho thấy chuyển biến từ nghệ thuật văn tự, *Thế* xác định như sức mạnh thông qua hình thái của chữ viết, như quan niệm của Thái Vĩnh (Cai Yong),

Đặng Phùng Quân nguyên là giáo sư triết học, Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước 1975. Sách đã xuất bản: *Văn Chương và Lưu Đày* (1985), *Triết Học và Khoa Học* (1972).

Vương Chi Hy (Wang Yizhi)... Mối quan hệ giữa thuật viết chữ và họa hiển nhiên trong nghệ thuật Trung Hoa, song mô hình chiến lược còn là nền tảng của nghệ thuật viết và văn nghệ nói chung. Trong Văn Tâm Điều Long của Lý Tư mới được phát hiện lại sau cả ngàn năm trong bóng tối, nhà lý luận sáng tạo học này đã chỉ ra bản viết là một hiện thực hóa đặc thù, một thể hình văn chương và Thế là thiên hướng tạo kỳ thành- văn chi nhiệm thế- Jullien cũng nhấn mạnh sự phân biệt “hình thức” trong bản văn Trung Hoa không đối lập với “nội dung” mà là sản phẩm tận cùng của quá trình “hiện thực hoá” mà Thế là tiềm năng đặc trưng hiện thực này, một quá trình tiến diễn giữa vùng khả thị và bất kiến (trg. 89).

Ở chương năm, khi tìm về nguồn gốc kỳ thành này trong tự nhiên, một tự nhiên như sinh khí ở ngọn nguồn của sự vật, lưu chuyển vĩnh viễn trong quá trình chuyển biến và hình thành thế giới- kỳ hành giả, nhân địa chi thế- qua sơn thủy, không gian văn chương “sinh khí linh hoạt bút mực đạt đến cái vô hạn trong mọi chiều kích, và ngay cả trong những khoảng trống của bản viết, ý nghĩa cũng hiện diện cùng khắp” (Vương Phu Chi). Có thể lập danh sách những loại hạng khác nhau của Thế như thế của bàn tay hay thân thể, của địa hình, của phát triển một bài thơ, như Vương Xương Linh (Wang Changling) kê ra 17 thể lược trong thơ, một nhà thơ lớn là người luôn luôn có thể biến đổi (trg. 130, cao thủ hữu hồ biến chi thế). Thi, bút, họa là tam bảo của văn hóa, nghệ thuật Trung Hoa diễn đạt sức sống vô biên của cái Bất kiến qua hiện thực hóa “hình thế” khả tri trong mối quan hệ qua lại “ngọn bút sinh ra Thế nhằm vào khí thế bất thị trong khi tính năng động xuất từ Bất kiến được truyền thông qua những hình khả thị nhờ vào cái Thế dẫn đạo” (trg.138). Những học giả cổ đại trung Hoa như Cố Khải Chi (Gu Kaizhi), Vương Hi Chi (Wang Xizhi)... đều nói đến mô-típ rỗng tượng trưng cho tính năng động không hiển thị trong hình thái cụ thể, hay như Vương Phu Chi nói “bài thơ giống như một con rồng đầy khí lực” nếu người ta đạt được cái thế và như vậy hiệu quả của cấu thành bản văn là tạo sinh ra một “thế giới” thơ. Tóm lại, theo Jullien, nghệ thuật Trung Hoa không “bắt chước” tự nhiên mà chính trong khi khai phá mối quan hệ hiện thực giữa khả thị và bất kiến (le visible et l’invisible), cái rỗng và cái đầy, nó đưa ra cái luận lý ẩn sau tự nhiên.

Trong phần ba, chương đầu nhằm tìm hiểu vị thế và xu thế trong lịch sử qua những dẫn chứng Tuân Tử, Thương Ưởng, Quán Tử, Hàn Phi, Liễu Đông Nguyên

(Liu Zongyuan) cho thấy thế tất yếu lịch sử của sự chuyển biến từ thời phong kiến qua chế độ thư lại, ngược với quan niệm của nho gia, lịch sử rõ ràng là một quá trình mở ra sự nhất trí của nó thông qua tất yếu nội tại. Gần một ngàn năm sau, phái Tân Nho như Vương Phu Chi đã bỏ khuyết lý giải này khi quan niệm thiên hướng bắt nguồn từ một vị thế không tránh khỏi vi hợp với luận lý. Chiêu hướng tự nhiên của mọi vật là xu hướng lịch sử tất yếu tuần tự và không thể đảo nghịch (trg.185). Xu hướng này thiên về tính luân phiên, có nghĩa là không phải sự tiến bộ nhưng sự luân phiên điều hành thế giới cả về mặt không và thời gian (thiên hạ chi thế, nhất lý nhất hợp, nhất trị nhất loạn nhi dĩ). Quan niệm này dường như được nhiều nhà lý luận về lịch sử Trung Hoa tán đồng. Ly, hợp, trị, loạn là những nhân tố đối nghịch làm năng động lịch sử và lịch sử luôn luôn làm mới theo xu thế đó. Jullien tìm ra trong quan niệm của Vương Phu Chi có một luận lý đảo nghịch hai mặt: mọi xu thế một khi sinh ra thì có thiên hướng tiến triển, tới giới hạn tột cùng thì có chiều đảo ngược. Luận lý đảo ngược này ở trong sự khai mở bình thường của mọi quá trình (thuận tất nhiên chi thế giả, lý dã; lý chi tự nhiên giả, thiên dã). Đó là hai quẻ Thái và Bỉ, cơ sở của khái niệm chuyển biến trong tư tưởng Trung Hoa. Nhân tố thời gian có ảnh hưởng nhất trong mọi vị thế lịch sử.

Dẫn chứng Viên Hoành Đạo (Yuan Hongdao), Cố Diên Vũ (Gu Yuanwu) cho thấy hiện tại không thể bắt chước quá khứ là kết quả của Thế như một thiên hướng tiến hóa còn cho thấy sự tương tự khách quan giữa khái niệm lý tính trung Hoa với quan điểm lịch sử của Hegel khi “cả hai đều xây dựng trên ý tưởng về bản chất tự nhiên không thể tránh khỏi của quá trình khai mở” (trg.209) ở đó tính phủ định chỉ là một khoảnh khắc tất yếu trong quá trình biến đổi. Tuy nhiên quan điểm lịch sử Trung Hoa không mang tính thần học, không có xu thế mặt luận, mà có tính cách nội tại, với ưu thế dành cho những “quan hệ”, khác với cơ sở lý nhân quả để lý giải lịch sử trong quan niệm Tây Phương, truyền thống Trung Hoa chủ yếu tập trung vào lý giải dựa trên những xu thế (trg.212), sự tiến hóa lịch sử được coi như một quá trình toàn diện và thực tại gồm những quan hệ đối lập và bổ xung. Đó cũng là sự khác biệt giữa tư tưởng Hy Lạp nhằm tách “hữu thể” khỏi chuyển biến, trong khi tư tưởng Trung Hoa coi thực tại là chính sự biến đổi (trg.216).

Khi nhấn mạnh đến truyền thống Trung Hoa ít khi quan tâm đến giải thích nhân quả, Jullien muốn chỉ ra là lý

Thiên Hướng Của Sự Vật..

giải thực tại ở mọi bình diện, ngay cả lúc thuần suy luận nhất cũng tiến hành theo nhận thức xu thế của sự vật. Dẫn lời Leibniz nói đến “xu thế tự nhiên” của người Trung Hoa, và trong Đạo Đức Kinh “thể hành chi” (ch.51), thiên hướng tự nhiên là then chốt của hiện thực hóa sự vật, hay trong sách Hoài Nam Tử “do thiên hướng của sự vật (thể chi tự nhiên) mà thuyền trôi trên mặt nước và xe lăn trên đất”. Mọi vật tương ứng với thiên hướng diễn ra thuận thảo như vậy. Nét đặc thù của văn minh Trung Hoa là giải hoặc thần thoại tôn giáo và lý giải dựa trên xu thế nên “toàn thể vũ trụ có chức năng hay nghi thức và tùy vào sự hoàn thiện và phổ biến của những quy phạm” (trg.225) mà phân biệt Trời và Đất. Như Lưu Vũ Tích (Liu Yuxi) chia ra công việc của Trời là làm cho vạn vật sinh trưởng, biểu hiện trong thể lực, còn công việc của người là tổ chức, biểu hiện trong những giá trị xã hội. Nguyên lý của sự vật đem lại cho thực tại một cấu trúc mới như Lưu Ân (Liu Yin) mô tả ở trình độ nguyên lý là “tính nhị nguyên tương ứng”, ở trình độ xu thế là “sự thu hút lẫn nhau giữa hai cực” (dĩ lý chi tương đối, thể chi tương tâm), ở trình độ quan hệ là sự lưu chuyển biến hóa không ngừng. thiên hướng mang một lý tính dẫn đến khái niệm mới về “xu thế luận lý” (trg.231) kết hợp hai ý tưởng không thể tách rời trong tư tưởng Trung Hoa là mọi vật từ nội tại là kết quả của một phát triển bên trong và quá trình tự phát này là một lực điều hòa tối cao làm quy phạm cho thực tại siêu nghiệm. Vương Phu Chi đã miêu tả hai giai đoạn “tiềm tàng” và “hiện thực” đối lập và bổ xung tuần tự của vận động thế giới theo xu thế luận lý này (tương đẳng, kỳ tất nhiên chi lý thể). Triết lý thiên hướng này phê phán chủ nghĩa duy tâm siêu hình và chủ nghĩa hiện thực chính trị khi chỉ ra thể là then chốt liên hợp hai mặt của thực tại cũng như sự bất khả phân giữa lý và thể. Khái niệm âm/dương (tự nhiên) và chủ/thần (xã hội) hay những quan hệ khác như nam/nữ, trên/dưới, sáng/tối... biểu hiện nguyên lý tác động qua lại trong chữ Thế cho thấy quan niệm Trung Hoa không tách biệt phần khả năng và hiện thực như người Hy Lạp vì trong xu thế của sự vật, tính cũng là động, cấu trúc của thực tại luôn luôn ở trong quá trình (trg.253).

Trong gần 300 trang sách bàn về chữ Thế như một khái niệm then chốt trong mọi lĩnh vực văn hóa của trung Hoa, Jullien nhằm phát hiện triết lý thiên hướng mang tính xu thế và kỳ thành trong tư tưởng Trung Hoa cổ đại. Đó có thể là Minh trí hay Sách lược bao hàm cả lý trí thực tiễn và nhận thức luận? Hay một suy luận khảo cổ hoặc phá hệ luận về những tư tưởng duy vật bị lãng quên trong quá khứ? Những ảnh hưởng tư tưởng của Vương Phu Chi và phương pháp luận của Foucault và Althusser trong tác phẩm của F. Jullien khá rõ nét, tạo những thành quả hứa hẹn cho những công trình sắp đến của nhà tư tưởng trẻ người Pháp này.

Những vấn đề đặt ra trong cuốn sách là:

1. Khái niệm Thế có thể là chủ đạo trong tư tưởng Trung Hoa? Một triết lý biến dịch như thể quá trình có thể đối lập với triết lý về Hữu (Hy Lạp và Tây phương) hay triết lý về Vô (Phật Giáo và Đông Phương) như một con đường thứ ba trong tư tưởng nhân loại?

2. Tìm hiểu về triết học truyền thống Trung Hoa qua chữ Thế, Jullien có nhằm chỉ ra một trường phái của những nhà triết học Trung Hoa (ở đây là những Pháp gia) hay nói đến dân tộc Trung Hoa (ở trg.236), Jullien có nhấn mạnh đến một lý giải thuần triết lý không thích đáng mà cần cả một lý giải nhân học) (như mối quan tâm của một triết gia Châu Phi, Kwasi Wiredu khi phân biệt triết học truyền thống Phi Châu là nói đến vũ trụ quan của những dân tộc Phi Châu, trong khi người ta nói đến triết học truyền thống Anh là nhằm nói đến những nhà triết học duy nghiệm Anh bắt nguồn từ Bacon)? Sự lẫn lộn này có thể thấy ngay ở Heidegger khi nói đến dân tộc Hy Lạp hay dân tộc Đức- giới hạn tư tưởng vào trong vòng rào của chủ nghĩa dân tộc hạn hẹp. Tác phẩm *Thiên Hướng của Sự Vật (La propension des choses)* của F. Jullien mà tôi vừa giới thiệu qua bản dịch Anh ngữ năm 1995 là một công trình đáng kể, so với những tranh luận luẩn quẩn của giới học giả địa lục Trung Hoa về Khổng Tử trong suốt mấy thập niên, hay những nghiên cứu thô thiển của một số học giả Tây Phương về Việt Nam trong nhiều năm qua. ☺